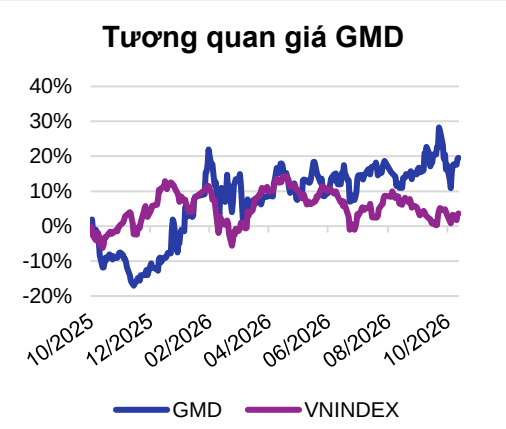
CTCP TẬP ĐOÀN GEMADEPT (GMD)

HOSE: GMD - TÍCH CỰC

BÁO CÁO PHÂN TÍCH
Ngành: Cảng biển

BIẾN ĐỘNG GIÁ



Thông tin giao dịch GMD (11/11/2026)	
Giá hiện tại (VNĐ/cp)	53.600
Giá cao nhất 52W	57.980
Giá thấp nhất 52W	36.860
Số lượng CP niêm yết	649.337.392
Số lượng CP lưu hành	649.337.392
Sở hữu nước ngoài	38,45%
KLBQ 52W (cp)	1.531.701
EPS (vnd/cp)	3.951
P/E	13,56x
P/B	2,45x
Vốn hóa (tỷ đồng)	34.804,48

(*)EPS theo BCKQKD 4 quý gần nhất

Analyst: Thạch Ngọc Trung
trungtn@vixs.com

*Chúng tôi duy trì đánh giá **TÍCH CỰC** đối với GMD dựa trên kết quả kinh doanh 9T/2026 tiếp tục tăng trưởng, với doanh thu thuần đạt 5.423,8 tỷ đồng (+25,2% svck) với khai thác cảng đạt 4.225,8 tỷ đồng (+10,6% svck), còn logistics và các hoạt động khác đạt 1.197,9 tỷ đồng (+134,6% svck), đóng góp khoảng 62,9% mức tăng doanh thu. LNST thuộc cổ đông công ty mẹ đạt 2.102,3 tỷ đồng (+80,7% svck).*

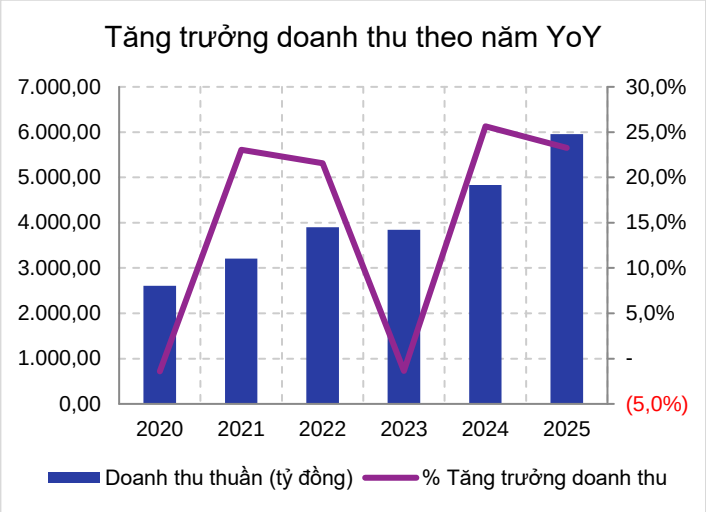
Cập nhật kết quả kinh doanh:

- **KQKD Q3/2026: Doanh thu tăng trưởng nhanh sau tái cấu trúc, miền Nam dẫn dắt tăng trưởng sản lượng container.**
  Doanh thu thuần và LNST hợp nhất Q3/2026 của GMD lần lượt đạt 2.209,8 tỷ đồng và 586,3 tỷ đồng, tăng 41,6% và 35,6% svck. Doanh thu tăng 25,4% QoQ, được hỗ trợ bởi việc mở rộng phạm vi hợp nhất sau khi GMD hoàn tất tái cấu trúc với CJ Logistics vào cuối Q2/2026. Về hoạt động khai thác cảng, sản lượng container toàn hệ thống trong 9T/2026 đạt 3,994 triệu TEU, tăng 8,8% svck. Trong đó, miền Nam tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt tăng trưởng với sản lượng đạt 2,979 triệu TEU (+16,6% svck), trong khi miền Bắc đạt 1,015 triệu TEU (-9,1% svck). Tại miền Trung, sản lượng hàng hóa đạt 2,379 triệu tấn, tăng 31,4% svck.
- **Biên lợi nhuận gộp thu hẹp trong bối cảnh chi phí vận hành gia tăng**
  Lợi nhuận gộp Q3/2026 của GMD đạt 702,0 tỷ đồng, tăng 5,4% svck nhưng giảm 24,1% QoQ. Biên lợi nhuận gộp đạt 31,8%, giảm 10,9 điểm phần trăm svck và 17,7 điểm phần trăm so với số liệu BCTC Q2/2026 công bố ban đầu. Biên lợi nhuận thu hẹp do giá vốn hàng bán tăng 68,6% svck lên 1.507,8 tỷ đồng, nhanh hơn mức tăng 41,6% của doanh thu thuần. Trong đó, chi phí nguyên vật liệu ước đạt 222 tỷ đồng (+145% svck) và chi phí dịch vụ mua ngoài đạt khoảng 1.207 tỷ đồng (+83% svck). Áp lực chi phí gia tăng trong bối cảnh GMD bắt đầu hợp nhất hoạt động của

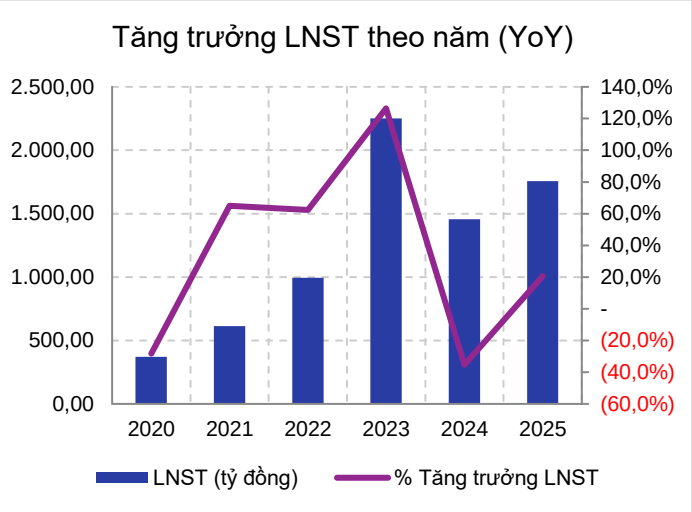
Gemadept Shipping Holdings và Mekong Logistics sau tái cấu trúc với CJ Logistics, qua đó làm thay đổi cơ cấu doanh thu và chi phí của tập đoàn.

- **Lợi nhuận tiếp tục tăng trưởng so với cùng kỳ, được hỗ trợ bởi hoạt động liên doanh, liên kết**

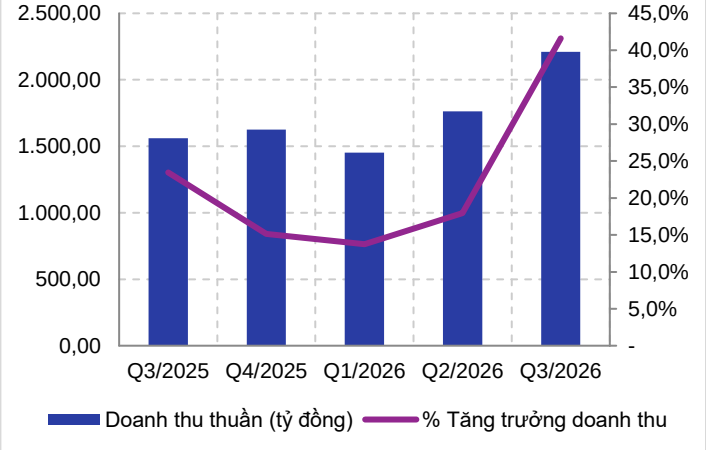
  LNST hợp nhất Q3/2026 đạt 586,3 tỷ đồng, tăng 35,6% svck nhưng giảm 54,5% QoQ, trong đó lợi nhuận từ các công ty liên doanh, liên kết đạt 348,8 tỷ đồng (+17,4% svck). Mức giảm lợi nhuận so với quý trước một phần đến từ nền lợi nhuận Q2/2026 ở mức cao nhờ khoản lãi chuyển nhượng đầu tư dài hạn khoảng 608,7 tỷ đồng, trong khi Q3 chỉ ghi nhận khoảng 3,3 tỷ đồng. Lũy kế 9T/2026, lợi nhuận gộp đạt 2.262,8 tỷ đồng (+16,0% svck), tương ứng biên lợi nhuận gộp 41,7%, giảm 3,3 điểm phần trăm svck. Đồng thời, lợi nhuận từ các công ty liên doanh, liên kết đạt 1.043,4 tỷ đồng (+36,0% svck), tiếp tục đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh của GMD.



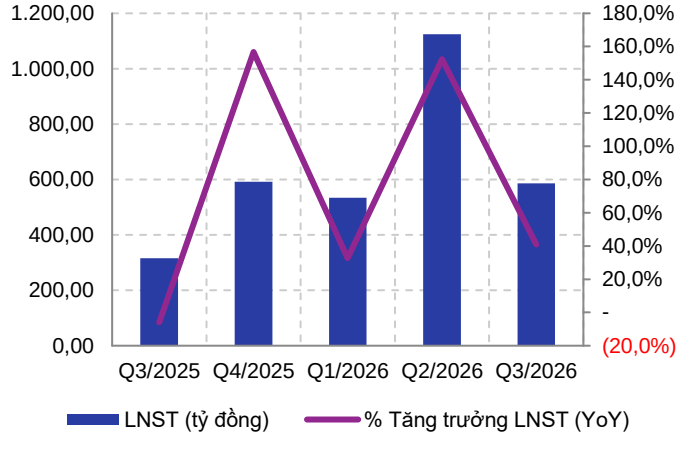
Nguồn: GMD



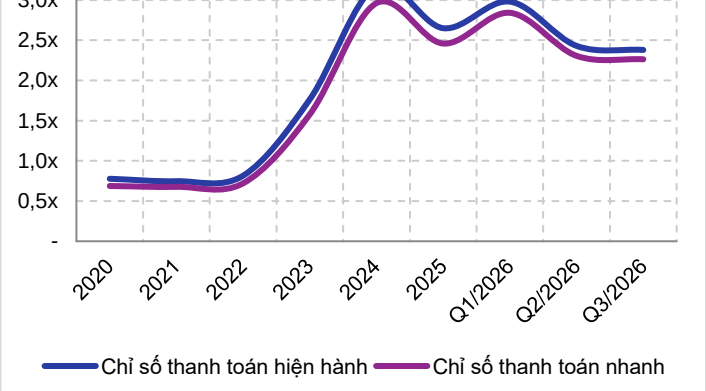
Nguồn: GMD



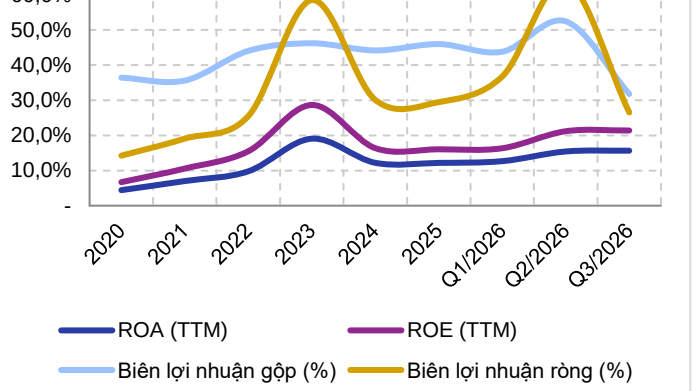
Nguồn: GMD



Nguồn: GMD



Nguồn: GMD



Nguồn: GMD

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

	Đơn vị	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1. Hiệu quả hoạt động								
Hệ số vòng quay tài sản	Lần	0,26	0,26	0,31	0,33	0,29	0,31	0,31
Hệ số vòng quay vốn CSH	Lần	0,40	0,40	0,47	0,52	0,44	0,41	0,42
Hệ số vòng quay khoản phải thu khách hàng	Lần	7	7	8	8	7	8	9
Thời gian trung bình thu tiền khách hàng	Ngày	54	50	44	46	53	45	39
Hệ số vòng quay HTK	Lần	22	21	28	29	27	36	37
Thời gian trung bình xử lý HTK	Ngày	17	17	13	13	13	10	10
Hệ số vòng quay khoản phải trả nhà cung cấp	Lần	3,95	4,24	5,59	3,58	3,05	5,37	5,48
Thời gian trung bình thanh toán cho nhà cung cấp	Ngày	93	86	65	102	120	68	67
Chu kỳ chuyển đổi tiền mặt	Ngày	-22	-19	-8	-44	-53	-13	-18
Chỉ số thanh toán hiện hành	Lần	0,6	0,8	0,7	0,8	1,8	3,2	2,6
Chỉ số thanh toán nhanh	Lần	0,2	0,3	0,4	0,5	1,1	2,6	2,1
2. Sức khỏe tài chính								
Tỷ lệ nợ vay ngắn hạn trên tổng tài sản	%	6%	8%	8%	4%	3%	2%	2%
Tỷ lệ nợ vay ngắn hạn trên VCSH	%	10%	12%	12%	7%	5%	3%	2%
Tỷ lệ nợ vay dài hạn trên tổng tài sản	%	14%	12%	10%	11%	11%	10%	10%
Tỷ lệ nợ vay dài hạn trên VCSH	%	22%	17%	15%	19%	16%	13%	14%
Tỷ lệ nợ vay trên tổng tài sản	%	21%	19%	18%	16%	14%	12%	12%
Tỷ lệ nợ vay trên VCSH	%	32%	29%	27%	26%	20%	16%	16%
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản	%	35%	33%	34%	39%	28%	23%	25%
Tỷ lệ nợ phải trả trên VCSH	%	54%	49%	52%	64%	39%	31%	33%
Tỷ lệ đòn bẩy	%	154%	149%	152%	164%	139%	131%	133%
3. Khả năng sinh lợi								
ROA	%	6%	4%	7%	10%	19%	12%	12%
ROE	%	9%	7%	11%	15%	29%	16%	16%
4. Chỉ số tăng trưởng								
Tăng trưởng doanh thu thuần (YoY)	%	-2%	-1%	23%	22%	-1%	26%	23%
Tăng trưởng lãi gộp (YoY)	%	5%	-6%	20%	50%	3%	20%	28%
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)	%	-68%	-28%	64%	61%	118%	-24%	20%

HỆ THỐNG NHẬN ĐỊNH TRIỂN VỌNG DOANH NGHIỆP

TÍCH CỰC: Tăng trưởng lợi nhuận được dự báo tăng, với tốc độ tăng **hơn 15%** trong 12 tháng tới hoặc **giá mục tiêu cao hơn 15% giá hiện tại**

TRUNG LẬP: Tăng trưởng lợi nhuận được dự báo **từ -15% đến +15%** hoặc có nhiều thông tin không chắc chắn, khó dự báo hoặc **giá mục tiêu được dự báo -15% đến +15% so với giá hiện tại**

TIÊU CỰC: Tăng trưởng lợi nhuận được dự báo giảm, với tốc độ giảm **dưới -15%** trong 12 tháng tới hoặc **giá mục tiêu được dự báo thấp hơn -15% so với giá hiện tại**

Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX ("VIX"). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.